TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2021/DS-ST
Ngày 20-9-2021.
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cầm Văn Nam.
2. Bà Phạm Thị Tư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Trần Hải Y**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Số nhà 191A N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

2. *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1989
Địa chỉ: Số nhà 07 Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y trình bày:

Do chị Nguyễn Thị Thu H có mối quan hệ với bà nội của chị tên là Nguyễn Thị L và có vay mượn tiền nhiều lần nên quen biết nhau. Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021 chị có cho chị Nguyễn Thị Thu H vay tiền làm nhiều lần, lần vay ít tiền nhất là 800.000.000đ, lần vay nhiều tiền nhất là 5.000.000.000đ. Đến ngày 17/4/2021 viết giấy biên nhận vay tiền ghi: Chị có cho chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 07 ngày, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/01 ngày/1.000.000đ, chị H có viết giấy biên nhận vay tiền và có ký ghi họ, tên và điểm chỉ. Khi đến hạn chị đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả tiền gốc và lãi suất. Do

chị H vi phạm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

+ Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Kiểm sát viên không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y số tiền nợ gốc là 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về … án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 121.550.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y, sinh năm 1991 và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989 có xác lập giao dịch là hợp đồng vay tiền ghi ngày 17/4/2021. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ số nhà 07 Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định: Quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau vào ngày 17/4/2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021 chị Nguyễn Trần Hải Y có cho chị Nguyễn Thị Thu H vay tiền làm nhiều lần, lần vay ít tiền nhất là 800.000.000đ, lần vay nhiều tiền nhất là 5.000.000.000đ. Đến ngày 17/4/2021 viết giấy biên nhận vay

tiền ghi: Chị Nguyễn Thị Thu H có vay của chị Nguyễn Trần Hải Y số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất theo thỏa thuận, chị H có viết giấy biên nhận vay tiền và có ký ghi họ, tên và điểm chỉ. Như vậy, áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định: Chị Nguyễn Thị Thu H có vay và nhận đủ số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Nguyễn Trần Hải Y là phù hợp với tài liệu, chứng cứ bản gốc do chị Y giao nộp cho Tòa án đã lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về … án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu từ trên 4.000.000.000đ là 112.000.000đ + 0,1% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 4.000.000.000đ là 121.550.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về … án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Trần Hải Y số tiền 13.550.000.000đ (mười ba tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 121.550.000đ (một trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hải Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Trần Hải Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.770.000đ (sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số

AA/2016/0019126 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND Tp. B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công